

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 527/2026/DS-PT

Ngày: 28-5-2026

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất,
tài sản trên đất và yêu cầu bồi thường
thiệt hại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Ngọc Phần - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 492/2025/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2025/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 645/2025/QĐXXPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 405/2025/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2025 và Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số: 554/2026/QĐ-PT ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp C, xã C, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Đ: Bà Trần Thị Đ1 – Luật sư Văn phòng L1 – Thuộc đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp N, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thành T: Bà Vũ Thị Kim T1, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số H Hồ T, phường B, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1955. Địa chỉ: ấp C, xã C, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

3.2. Ông Nguyễn Mộng Đ2, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp C, xã C, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thành T, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm;

** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Đ có ý kiến trình bày và yêu cầu như sau:*

Bà Đ có diện tích đất 2.819m² thửa số 144 tờ bản đồ 24 tại ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã C, tỉnh Vĩnh Long), nguồn gốc đất này bà có là do bà nhận hưởng thừa kế từ ba của bà là ông Nguyễn Văn L (mất năm 2007).

Sau khi bà Đ nhận thừa kế phần đất này thì bà Đ có cho em ruột của bà ông Đ2 mượn đào ao nuôi cá lóc. Do ông Đ2 làm ăn thua lỗ nên cuối năm 2020 ông Đ2 là em của bà cùng bà Phạm Thị H là mẹ của bà đứng ra chuyển nhượng cho ông T một phần các thửa đất của bà H khoảng 17 công. Phần đất mà bà H bán cho ông T có dính vào phần diện tích 2.819m² thửa số 144 tờ bản đồ 24 của bà Đ do các thửa đất liền kề với các thửa đất mà bà H bán cho ông T, chứ bà H, bà Đ không có bán diện tích 2.819m² thửa số 144 tờ bản đồ 24 tại ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã C, tỉnh Vĩnh Long), phần đất này là của bà Đ, không có bán cho ông T.

Nên nay bà Đ khởi kiện yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả cho bà Đ diện tích đất là 2.819m² thửa số 144 tờ bản đồ 24 tại ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã C, tỉnh Vĩnh Long).

Đối với phần yêu cầu bồi thường tiền thiệt hại 04 năm qua do bà Đ không sử dụng thửa đất 144 với số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng trước đây bà có yêu cầu, nhưng tại phiên tòa bà Đ xin rút lại yêu cầu này, bà không yêu cầu ông T phải bồi thường cho bà số tiền trên.

** Theo bản tự khai của ông Nguyễn Thành T và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông T có ý kiến trình bày và yêu cầu như sau:*

Qua yêu cầu của bà Đ thì phía ông T không đồng ý toàn bộ yêu cầu của bà Đ. Bởi vì khi ông T mua đất của bà H là mua toàn bộ hệ thống nuôi cá trong đó

có diện tích đất 2.819m^2 của thửa số 144 tờ bản đồ 24, do nằm trong hệ thống nuôi cá của ông T và ông T đang sử dụng. Năm 2020 ông T được sự giới thiệu của ông Bùi Văn C có mua toàn bộ hệ thống nuôi cá của gia đình ông Nguyễn Mộng Đ2, hệ thống nằm trên các thửa đất mà ông T mua là trên 17.000m^2 ông T mua đất của bà H và các thửa đất ông T mua thì ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ông T giao đủ tiền cho gia đình bà H nhận thì ông T đã được bàn giao đất và ranh giới của các thửa đất theo hệ thống nuôi cá và toàn bộ hệ thống máy móc, thiết bị sử dụng cho hệ thống nuôi cá và ông T sử dụng từ năm 2020, đến đầu năm 2022 thì bà Đ mới khởi kiện. Sau khi xảy ra tranh chấp thì ông T mới biết trong hệ thống nuôi cá của ông còn có thêm một phần diện tích đất liên quan đến ông Nguyễn Văn N là thửa 149 và đất của bà Nguyễn Hồng Đ là thửa đất 144. Nếu nay bà Đ yêu cầu lấy lại thửa đất 144 thì sẽ ảnh hưởng đến hệ thống nuôi cá của ông T nên ông T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Qua yêu cầu của bà Đ về phần yêu cầu bồi thường thiệt hại thì phía ông T cũng không đồng ý.

** Bà Phạm Thị H có lời trình bày như sau:*

Bà Đ là con ruột của bà. Vào năm 2007 bà Đ có nhận thừa kế thửa đất 144 tờ bản đồ 24 diện tích 2.819m^2 từ chồng của bà là ông Nguyễn Văn L (mất năm 2007) và bà Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng phần đất của bà thì bà có đứng ra bán cho ông T 17 công đất, không nhớ số thửa với giá là 3,5 tỷ đồng. Đối với thửa đất 144 tờ bản đồ 24 diện tích 2.819m^2 tại ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã C, tỉnh Vĩnh Long) là của bà Đ, bà không có bán thửa đất này cho ông T, lý do ông T canh tác thửa đất này mấy năm nay là do các thửa đất này nằm liền kề với nhau.

Nay bà yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Đ diện tích đất 2.819m^2 thửa số 144 tờ bản đồ 24 tại ấp N, xã C, tỉnh Vĩnh Long, do thửa đất này không có trong 17 công đất mà bà đã bán cho ông T.

** Theo bản tự khai của ông Nguyễn Mộng Đ2 trong quá trình giải quyết có lời trình bày như sau:*

Vào năm 2007, chị của ông là bà Đ có nhận thừa kế thửa đất 144 diện tích 2.819m^2 tại ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã C, tỉnh Vĩnh Long) từ cha của ông là ông Nguyễn Văn L (mất năm 2007). Khi nhận thừa kế thì bà Đ có cho ông mượn thửa đất 144 để đào ao nuôi cá lóc, nhưng do ông làm ăn thua lỗ nên cuối năm 2020 mẹ của ông là bà Phạm Thị H có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thành T khoảng 17.000m^2 đất, phần đất bà H chuyển nhượng cho ông T là của bà H đứng tên quyền sử dụng đất, bán đất để có tiền trả nợ cho

ông. Riêng diện tích đất 2.819m² là của bà Đ, bà H không có bán thửa đất này cho ông T.

Nay ông yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả cho bà Đ diện tích đất 2.819m² thuộc thửa số 144 tờ bản đồ 24 tại ấp N, xã C, tỉnh Vĩnh Long cho đúng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Đ được cấp.

** Theo bản tự khai của người làm chứng ông Nguyễn Văn N có lời trình bày như sau:*

Vào tháng 6/2021, ông có cho ông Nguyễn Thành T thuê ao để nuôi cá với tổng số 04 ao, tổng diện tích khoảng 2000m² mặt nước thuộc một phần thửa đất số 149, tờ bản đồ số 24, diện tích 5.441,2m² loại đất: LUC, tọa lạc ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã C, tỉnh Vĩnh Long). Thời hạn thuê là 03 năm với số tiền là 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng, chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng. Ông Nguyễn Thành T thuê đất của ông để nuôi cá, khi thuê đất hai bên chỉ thỏa thuận miệng nhưng hiện tại ông T lấn chiếm và sử dụng hết thửa đất của ông. Sau khi hết hạn hợp đồng với ông Nguyễn Thanh T2 thì đến ngày 19/7/2025, ông với mẹ ông là bà H tiến hành cải tạo lại thửa đất để chuẩn bị thả cá nuôi, thì bị ông T2 đã làm đơn ngăn chặn không cho ông cải tạo thửa đất của ông vì ông T2 cho rằng thửa đất này lúc ông cho thuê là bà H đã bán cho ông T2 sử dụng luôn. Nhưng ông chỉ cho ông Nguyễn Thành T thuê đất và hiện tại ông vẫn đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T ngăn cản ông sử dụng đất thì ông sẽ làm đơn khởi kiện ông T vụ án khác. Đối với phần đất của bà Nguyễn Hồng Đ đang tranh chấp với ông Nguyễn Thành T thì ông hoàn toàn không liên quan và trong vụ án này ông cũng không có yêu cầu gì.

** Người làm chứng ông Bùi Hữu C1 có ý kiến trình bày như sau:* Ông thống nhất theo ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thành T.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2025/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long đã tuyên:

Căn cứ vào Khoản 3, 9 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 158, 221 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 236 của Luật Đất đai năm 2024.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Đ.

Buộc ông Nguyễn Thành T có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Hồng Đ diện tích đất thực đo là 2.729,6m² thuộc thửa 144, tờ bản đồ số 24, loại đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc tại ấp N, xã C, tỉnh Vĩnh Long theo sơ đồ khu đất (Phần J).

(Kèm theo có sơ đồ khu đất công văn số: 970/CNCT ngày 16/7/2024) của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

Để đảm bảo cho việc thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng đất, không được thay đổi hoặc xây cất trồng thêm trong diện tích đất tranh chấp dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Đình chỉ phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do bà Đ tự nguyện xin rút lại phần yêu cầu này.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, thi hành bản án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/8/2025, bị đơn ông Nguyễn Thành T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Xét thấy kháng cáo của ông Nguyễn Thành T là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công

khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Nguyễn Thành T; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Thành T kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thành T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Nguồn gốc đất của thửa đất 144, tờ bản đồ 24, diện tích 2.819m² (thực đo 2.729,6m²) loại đất trồng lúa tại ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp N, xã C, tỉnh Vĩnh Long) có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn L, sau khi ông L mất vào năm 2007 thì bà Đ là con ruột của ông L nhận thừa kế phần đất từ ông L và bà Đ được Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó bà Đ có cho ông Đ2 là em của bà Đ mượn đào ao nuôi cá lóc. Do ông Đ2 làm ăn thua lỗ nên cuối năm 2020 ông Đ2 cùng bà H là mẹ của bà Đ có chuyển nhượng cho ông T một phần đất khoảng 17 công đất để ông T nuôi cá, phần đất mà bà H bán cho ông T có dính vào phần diện tích đất 2.819m² thửa số 144 tờ bản đồ 24 của bà Đ, chứ bà Đ không có thỏa thuận bán thửa đất tranh chấp này cho ông T. Phía ông T cũng thừa nhận thửa đất 144 này là của bà Đ nhưng khi ông T mua các thửa đất khác của bà H thì được gia đình bà H giao cho ông T thửa đất này, nên nay ông T không đồng ý trả lại cho bà Đ thửa đất 144 bởi vì sẽ ảnh hưởng đến hệ thống nuôi cá của ông T. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng khi ông T mua đất có đo đạc cụ thể nhưng không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày.

Thửa đất 144, tờ bản đồ 24 là của bà Đ đã được xác lập quyền sở hữu từ khi bà Đ nhận thừa kế từ cha của bà là ông L và bà Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phía ông T mua các thửa đất khác và đang canh tác trên thửa đất 144 là của bà Đ từ năm 2020 là do các thửa đất liền kề với nhau. Tại phiên tòa người đại diện của ông T cũng không có đưa ra được hợp đồng chuyển nhượng hay bất cứ sự thỏa thuận nào để chứng minh phần đất này ông T đã mua của bà Đ để ông được sử dụng.

Bà Đ khởi kiện yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả cho bà Đ diện tích thửa đất 2.819m² thuộc thửa số 144 tờ bản đồ 24 tại ấp N, xã C, tỉnh Vĩnh Long. Xét thấy yêu cầu này của bà Đ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Theo công văn số: 281/CNHCT ngày 23/10/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện C, tỉnh Trà Vinh: Tổng diện tích tranh chấp của thửa đất 144 tờ bản đồ 24 có diện tích thực đo là 2.729,6m², diện tích đất qua khảo sát thực tế của Văn phòng Đ - Chi nhánh huyện C đã cung cấp thì thửa

đất tăng là do chênh lệch giữa hai tài liệu đo đạc chứ không phải tăng sai ranh của tứ cận thửa đất. Phía bà Đ và người đại diện theo ủy quyền của ông T thống nhất với kết quả thẩm định về diện tích đất và kết quả thẩm định ngày 29/11/2026 là 2.819,0m² (theo công văn số 1721 ngày 13/4/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V).

[2.3] Đối với các thửa đất mà ông T đã mua của bà H 17 công đất (17.000m² đất) như các bên trình bày để ông T để nuôi cá lóc gồm các thửa: thửa đất 96 có diện tích 1.580m², thửa đất 118 có diện tích 13.747,9m², thửa đất 145 có diện tích 1.947m², tổng cộng 17.274.9m² là đủ diện tích ông T mua. Do các thửa đất chuyển nhượng giữa ông T với bà H không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của ông T cũng như những lời trình bày, tranh luận tại phiên tòa xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông T là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Vì vậy, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thành T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2025/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 3, khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 158 và Điều 221 Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Điều 236 Luật Đất đai năm 2024.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Đ: Buộc ông Nguyễn Thành T có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Hồng Đ diện

tích đất thực đo là 2.819,0m² thuộc thửa 144, tờ bản đồ số 24, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp N, xã C, tỉnh Vĩnh Long theo sơ đồ khu đất.

(Kèm theo sơ đồ khu đất kèm theo công văn số: 1721/VPĐK-KTĐĐBĐ ngày 13/4/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V).

Để đảm bảo cho việc thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng đất, không được thay đổi hoặc xây cất, trồng thêm trong diện tích đất tranh chấp dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Đình chỉ phần yêu cầu bồi thường thiệt hại do bà Đ tự nguyện xin rút lại phần yêu cầu này.

2. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và lệ phí cung cấp thông tin ở cấp sơ thẩm: tổng cộng số tiền là 21.280.000 (hai mươi một triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng, ông Nguyễn Thành T phải chịu toàn bộ số tiền này.

Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 – Vĩnh Long thu của ông Nguyễn Thành T số tiền nêu trên và hoàn trả lại cho bà Nguyễn Hồng Đ số tiền là 7.000.000 (bảy triệu đồng) khi thu được từ ông Nguyễn Thành T.

* Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cấp phúc thẩm là 4.325.500 (bốn triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm) đồng, ông Nguyễn Thành T phải chịu toàn bộ số tiền này và đã nộp xong.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thành T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Hồng Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0014212 ngày 17 tháng 11 năm 2022 do Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 – Vĩnh Long).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Thành T phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001954 ngày 15/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 10 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 10 - Vĩnh Long;
- Phòng GD,KT,TT&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt